

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 302/2024/DS-PT
Ngày: 05-7-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các thẩm phán: Bà Phạm Ngọc Giàu.

Bà Đặng Thị Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc R, sinh năm 1957; địa chỉ: Tô F, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Ngọc R: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2023) (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Phan Thị Lan P, sinh năm 1993

Anh Đào Bá P1, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Ngọc R là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc R, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Trần Quốc T trình bày:

Bà Huỳnh Ngọc R là chủ hội, vợ chồng chị P anh P1 là hội viên có tham gia chơi hội của bà R, cụ thể:

- Dây Hội 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/8/2022, mãn ngày 10/8/2024, gồm 25 phần, hội trừ còn 2.500.000 đồng, chị P, anh P1 tham gia 02 phần, anh chị đã kê hội và hốt tại kỳ hội thứ 2 vào ngày 10/9/2022, được số tiền 72.680.000 đồng, khi nhận tiền hội có ký nhận sổ hội. Phần hội thứ 2, chưa hốt đã đóng được 07 kỳ hội sống cụ thể: ngày 10/8/2022 hội khai 1.960.000 đồng, đóng 3.040.000 đồng; ngày 10/9/2022 hội khai 1.810.000 đồng đóng 3.190.000 đồng; ngày 10/10/2022 hội khai 2.100.000 đồng, đóng 2.900.000 đồng; ngày 10/11/20223 hội khai 1.500.000 đồng, đóng 3.500.000 đồng; ngày 10/12/2022 hội khai 1.700.000 đồng, đóng 3.300.000 đồng; ngày 10/01/2023 hội khai 1.870.000 đồng, đóng 3.130.000 đồng; ngày 10/02/2023 hội khai 1.820.000, đóng 3.180.000 đồng. Tổng cộng số tiền hội vốn là 22.240.000 đồng và ngưng không đóng hội sống, hội chết từ ngày 10/3/2023. Vì vậy, trong dây hội này chị P anh P1 còn nợ bà R tiền hội chết của 18 kỳ tương ứng số tiền 90.000.000 đồng, bà R trừ tiền hội vốn chị P, anh P1 đã đóng 22.240.000 đồng, còn nợ lại 67.760.000 đồng.

- Dây Hội 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/6/2022 mãn ngày 10/6/2024, gồm 25 phần. Chị P, anh P1 tham gia 01 phần chưa hốt, đã đóng hội vốn được 09 kỳ tương ứng số tiền 28.700.000 đồng, cụ thể ngày 10/6/ 2022 hội khai 1.960.000 đồng, đóng 3.040.000 đồng, ngày 10/7/2022 hội khai 1.700.000 đồng, đóng 3.300.000 đồng; ngày 10/8/2022 hội khai 1.720.000 đồng, đóng 3.280.000 đồng; ngày 10/9/2022 hội khai 1.770.000 đồng, đóng 3.230.000 đồng; ngày 10/10/2022 hội khai 1.600.000 đồng, đóng 3.400.000 đồng; ngày 10/11/2022 hội khai 1.500.000 đồng, đóng 3.500.000 đồng; ngày 10/12/2022 hội khai 1.900.000 đồng, đóng 3.100.000 đồng; ngày 10/01/2023 hội khai 1.950.000 đồng, đóng 3.050.000 đồng; ngày 10/02/2023 hội khai 2.200.000, đóng 2.800.000 đồng và ngưng không đóng hội.

Do các hội viên đã hốt hội và không đóng tiền hội chết, bà R không có khả năng choàng hội nên tuyên bố bế hội tháng 5/2023, trong đó có vợ chồng anh P1, chị P nên bà khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho bà R số tiền hội chết còn nợ sau khi cần trừ hội sống, hội chết còn nợ lại 39.060.000 đồng, bà R yêu cầu chị P, anh P1 phải trả cho bà số tiền trên.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của bà R trình bày yêu cầu Tòa án án xem xét tính lại tiền hội gốc và lãi hội theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phan Thị Lan P trình bày:

Chị P thừa nhận vợ chồng chị có tham gia chơi hội và quá trình đóng hội, hốt hội do bà R làm chủ thảo. Tuy nhiên, theo nội dung trình bày khởi kiện của bà R khấu trừ hội sống, hội chết thì chị không đồng ý còn nợ số tiền 39.060.000 đồng. Chị xác định còn nợ bà R số tiền 10.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà R, bởi vì, số tiền hội gốc chị đã đóng cho bà R tương ứng tổng số tiền của 02 phần hội sống là 22.240.000 đồng + 28.700.000 đồng là đúng nhưng đây là

khoản tiền gốc cho anh chị bỏ ra để đóng cho cho các hội viên, những hội viên đã hết hội có nghĩa vụ trả tiền lãi cho vợ chồng chị ở mỗi kỳ khai hội, nay hội bị bế thì bà Rô phải khấu trừ tương ứng số tiền hội sống và hội chết cụ thể: Tiền hội chết còn nợ bà R 18 kỳ là 90.000.000 đồng, trừ tiền hội gốc đã đóng và lãi hội của hai phần hội chưa hết hội 16 kỳ x 5.000.000 đồng là 80.000.000 đồng, nên anh chị còn nợ lại bà R số tiền 10.000.000 đồng.

Bị đơn anh Đào Bá Phước thống nhất ý kiến với chị P, anh đồng ý trả cho bà R số tiền hội còn nợ là 10.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Huỳnh Ngọc R đối với chị Phan Thị Lan P và anh Đào Bá Phước về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc chị Phan Thị Lan P và anh Đào Bá Phước có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền hội còn nợ là 21.608.170 đồng, gồm tiền gốc 17.600.000 đồng và tiền lãi là 4.008.170 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/5/2024, bà R kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà R đồng ý việc người đại diện hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa và bà R vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc R thực hiện trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc R:

[2.1] Bà R khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh P1, chị P phải trả số tiền nợ hội là 39.060.000 đồng. Vợ chồng chị P, anh P1 không đồng ý trả cho bà R số tiền trên, bởi vì khấu trừ tiền hội chưa hết và lãi hội 80.000.000 đồng thì còn nợ bà R 10.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà R số tiền này.

Xét thấy, dây hội 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/8/2022 chị P, anh P1 đã hót tại kỳ khai hội thứ hai ngày 10/9/2022 do tự nguyện chịu số tiền lãi hội 1.810.000 đồng cho các hội trong kỳ khai hội và cho đến khi kết thúc dây hội, bị đơn còn thiếu lại 18 kỳ hội chưa đóng số tiền là 90.000.000 đồng, cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho bà R để bà R thanh toán cho các hội viên chưa lãnh hội. Riêng đối với phần hội còn sống chị P, anh P1 đã đóng được 07 kỳ tương ứng với số tiền gốc và lãi là 35.000.000 đồng. Số tiền lãi này các hội viên đã lãnh hội tự nguyện chịu ở mỗi kỳ khai hội nên chị P, anh P1 được hưởng số tiền này. Từ ngày 10/3/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm chị P, anh P1 không đóng hội, bà R phải choàng hội thay 14 kỳ số tiền là 70.000.000 đồng, bà R yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền tương ứng với thời gian chậm góp hội, cấp sơ thẩm tính tiền lãi 10%/năm với số tiền lãi là 4.008.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Dây hội này khấu trừ số tiền hội chết, hội sống và tiền lãi thì chị P, anh P1 còn phải trả cho bà R số tiền 59.008.000 đồng.

Dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 10/6/2022 chị P, anh P1 tham gia 01 phần, đóng được 09 kỳ thì ngưng với số tiền vốn là 28.700.000 đồng. Đến tháng 5/2023 bà R tuyên bố bế hội, bà R yêu cầu khấu trừ số tiền này với số tiền chị P anh P1 còn nợ. Chị P, anh P1 không đồng ý và yêu cầu khấu trừ số tiền 45.000.000 đồng. Xét thấy, dây hội này bà R tuyên bố bế hội, số tiền này bà R đã nhận và giao cho các hội viên đã hót nên các hội viên đã hót có trách nhiệm trả lãi cho chị P, anh P1 theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019, cấp sơ thẩm tính tiền lãi trên số tiền chị P, anh P1 đã đóng là 20%/năm trên số tiền mỗi kỳ góp hội cho đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi là 8.700.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị đơn trình bày dây hội khai ngày 10/6/2022 lần thứ nhất khai hội 1.700.000 đồng, đóng 3.300.000 đồng, nguyên đơn trình bày khai hội 1.960.000 đồng, đóng 3.040.000 đồng, chênh lệch 260.000 đồng, nhưng sau khi nhận bản án sơ thẩm bị đơn không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.1] Như vậy, khấu trừ số tiền giữa hai dây hội thì chị P, anh P1 còn phải trả lại cho bà R số tiền là 21.608.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị P và anh P1 phải án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà R không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nhưng do bà R là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hộ, biên, phường. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc R, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Ngọc R đối với chị Phan Thị Lan P và anh Đào Bá Phước về “Tranh chấp hợp đồng góp hộ”.

Buộc chị Phan Thị Lan P và anh Đào Bá Phước có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc R số tiền hộ còn nợ là 21.608.000 đồng (Hai mươi một triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị P và anh P1 phải chịu 1.080.400 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà R là người cao tuổi nên được miễn.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang